

Restricted Substances Guidance



Apparel and Footwear International R&L Management Group

Danh sách hướng dẫn RSL AFIRM

Danh sách hướng dẫn AFIRM -
Nội dung, cấu trúc và ý nghĩa

bởi

Marcus Kuerner

Giám đốc An toàn sản phẩm HQ / EMEA

adidas-Group



ESPRIT



HUGO BOSS



BESTSELLER



LEVI STRAUSS & CO.



Phylmar Group

Environmental
Health & Safety
Social Responsibility

s.Oliver

WARNACO

Restricted Substances Guidance



Apparel and Footwear International RSL Management Group

Danh sách hướng dẫn RSL AFIRM

Lịch sử

- Thời gian xây dựng: gần 6 năm
- Các khái niệm được xem xét: 6
- Cách tiếp cận cuối cùng: Xúc tích nhất, dễ dàng tiếp cận nhất, có thể sử dụng tại các địa điểm sản xuất số lượng lớn trong thực tế

Để tận dụng tối đa lợi ích của hướng dẫn này, các bạn nên nghiên cứu hướng dẫn này đồng thời với

Bộ công cụ AFIRM dành cho Nhà cung cấp

<http://www.afirm-group.com/AFIRMSupplierToolkitFinalJune6.pdf>

Hãy để (Các) Thương hiệu khách hàng của bạn cập nhật thông tin cho bạn



ESPRIT



HUGO BOSS



BESTSELLER



LEVI STRAUSS & CO.



Phylmar Group

Environmental
Health & Safety
Social Responsibility

s.Oliver

WARNACO

Restricted Substances Guidance



Apparel and Footwear International RSL Management Group

Danh sách hướng dẫn RSL AFIRM

Ý nghĩa & Đó là gì

Một bộ thông tin hài hòa về Chuỗi cung ứng

Tuyên bố chính sách

Hướng dẫn RSL AFIRM này tạo ra một bộ tài liệu gồm các cặp thường được định nghĩa là "giới hạn thấp nhất" cộng với "phương pháp thử nghiệm phù hợp nhất" tương đương được mỗi thương hiệu cá nhân thành viên AFIRM quy định trong nội bộ. Hướng dẫn này phải thúc đẩy sứ mệnh của AFIRM

"Giảm việc sử dụng và tác động của chất độc hại trong chuỗi cung ứng quần áo và giày dép"

bằng cách cung cấp một bộ thông tin riêng cho công tác thực hiện tối đa và chuyên sâu trong chuỗi cung ứng.

Hãy để (Các) Thương hiệu khách hàng của bạn cập nhật thông tin cho bạn



ESPRIT



HUGO BOSS



BESTSELLER



LEVI STRAUSS & CO.



Phylmar Group

Environmental
Health & Safety
Social Responsibility

s.Oliver

WARNACO

Restricted Substances Guidance



Apparel and Footwear International RSL Management Group

Legal Statement



The Apparel and Footwear International RSL Management (AFIRM) Group has created the following Restricted Substance Guidance to assist and guide supply-chain participants seeking to increase product quality and safety, or reduce their environmental impact, by limiting the use of certain substances ("AFIRM RSL Guidance"). The AFIRM RSL Guidance constitutes information from AFIRM only, and does not represent any individual AFIRM member.

The AFIRM RSL Guidance is a review of all AFIRM brand RSLs, in place on March 1, 2012, which reflects:

1. The most stringent substance limit.
2. The corresponding test method.

Some examples of uses for the AFIRM RSL Guidance, depending on the objectives of the user, include:

1. Providing a tool for vendors to establish chemical management knowledge and processes.
2. Building base compliance with AFIRM member chemical restrictions.
3. Providing a common base for testing products, which may be accepted by multiple AFIRM brands. AFIRM member companies determine and communicate to their vendors their testing requirements and acceptance of test reports.

Note: This AFIRM RSL Guidance is not intended and does not establish any industry standard of care. The AFIRM RSL Guidance may not always provide the most appropriate approach for any individual company's chemical management program. Many brands have implementation guidelines and suppliers must follow their guidelines, where required.

The AFIRM RSL Guidance does not constitute legal advice and is not a substitute for legal advice. There is no warranty, express or implied, as to the completeness or utility of the information contained in the AFIRM RSL Guidance, including, without limitation, that the information is current and error-free. AFIRM disclaims liability or any kind whatsoever resulting from any use of or reliance on the AFIRM RSL Guidance.

Danh sách hướng dẫn RSL AFIRM

Hạn chế & Đó không phải là gì

Mối quan tâm: Luật Chống cạnh tranh và độc quyền

Lưu ý: Hướng dẫn RSL AFIRM này không được xây dựng cho và không thiết lập bất kỳ tiêu chuẩn chăm sóc công nghiệp nào. Hướng dẫn RSL AFIRM không phải lúc nào cũng có thể cung cấp phương pháp thích hợp nhất cho chương trình quản lý hóa chất của mọi công ty tư nhân. Rất nhiều thương hiệu đều có các hướng dẫn thực hiện và nhà cung cấp phải tuân theo những hướng dẫn đó, khi được yêu cầu.

Hướng dẫn RSL AFIRM không phải là tư vấn pháp lý và không phải là một sự thay thế cho tư vấn pháp lý. Không có bảo hành, dù được nêu rõ ràng hay ngụ ý, về tính hoàn thiện hay cho việc sử dụng thông tin có trong Hướng dẫn RSL AFIRM, bao gồm, nhưng không giới hạn việc thông tin được cập nhật hiện thời và không có lỗi. AFIRM miễn trừ trách nhiệm pháp lý hoặc bất kỳ hình thức nào phát sinh từ bất kỳ việc sử dụng hoặc tín nhiệm Hướng dẫn RSL AFIRM này.

Hãy để (Các) Thương hiệu khách hàng của bạn cập nhật thông tin cho bạn



HUGO BOSS



BESTSELLER



LEVI STRAUSS & CO.



Phylmar Group

Environmental Health & Safety Social Responsibility



WARNACO

Restricted Substances Guidance



Apparel and Footwear International RSL Management Group

Legal Statement



The Apparel and Footwear International RSL Management (AFIRM) Group has created the following Restricted Substance Guidance to assist and guide supply-chain participants seeking to increase product quality and safety, or reduce their environmental impact, by limiting the use of certain substances ("AFIRM RSL Guidance"). The AFIRM RSL Guidance constitutes information from AFIRM only, and does not represent any individual AFIRM member.

The AFIRM RSL Guidance is a review of all AFIRM brand RSLs, in place on March 1, 2012, which reflects:

1. The most stringent substance limit.
2. The corresponding test method.

Some examples of uses for the AFIRM RSL Guidance, depending on the objectives of the user, include:

1. Providing a tool for vendors to establish chemical management knowledge and processes.
2. Building base compliance with AFIRM member chemical restrictions.
3. Providing a common base for testing products, which may be accepted by multiple AFIRM brands. AFIRM member companies determine and communicate to their vendors their testing requirements and acceptance of test reports.

Note: This AFIRM RSL Guidance ~~is not intended to~~ does not establish any industry standard of care. The AFIRM RSL Guidance may not always provide the most appropriate approach for any individual company's chemical management program. Many brands have implementation guidelines, and suppliers must follow those guidelines, where required.

The AFIRM RSL Guidance does not constitute legal advice and is not a substitute for legal advice. There is no warranty, express or implied, as to the completeness or utility of the information contained in the AFIRM RSL Guidance, including, without limitation, that the information is current and error-free. AFIRM disclaims liability or any kind whatsoever resulting from any use of or reliance on the AFIRM RSL Guidance.

Danh sách hướng dẫn RSL AFIRM

Cơ may và Thời cơ

Có thể sử dụng nhiều nhãn hiệu trong Báo cáo thử nghiệm

Một số ví dụ về việc sử dụng Hướng dẫn RSL AFIRM, tùy thuộc vào mục tiêu của người sử dụng, bao gồm:

1. Cung cấp công cụ cho các nhà cung cấp để có kiến thức và thiết lập quá trình quản lý hóa chất.
2. Hình thành việc tuân thủ các hạn chế về chất hóa học đối với thành viên AFIRM.
3. Cung cấp cơ sở chung để thử nghiệm những sản phẩm có thể được nhiều thương hiệu AFIRM chấp nhận. Các công ty thành viên AFIRM xác định và truyền đạt các yêu cầu

Hãy để (Các) Thương hiệu khách hàng của bạn cập nhật thông tin cho bạn



HUGO BOSS



BESTSELLER



LEVI STRAUSS & CO.



Phylmar Group

Environmental Health & Safety Social Responsibility



WARNACO

Restricted Substances Guidance



Apparel and Footwear International R&L Management Group

Parameters



Colour Coding
 Maximum priority used / High Concerns level and/or regulated by Law
 Identification required / High Concerns Level
 Likely to be found, (order) unintentionally used / Low Concerns Level

Substance / Material	Lowest Limit	Suitable Method Sample Prep.	Suitable Method Measuring	Colour Coding
Antimony (Sb) extractable (CAS.No.: 7440-56-9)				
Textile	2 ppm	EN ISO 105-04 (2006)	EN ISO 17294-2	●
Leather	n.d.	EN ISO 105-04 (2006)	EN ISO 17294-2	●
Titan parts, metal parts, jewelry	2 ppm			●
Antimony (Sb) total (CAS.No.: 7440-56-9)				
Textile	250 ppm for 100 % Polyester, 130 ppm for 50 % PEU 30 mg/kg (natural textile)	Micro-wave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 11035 (2008)	●
Arsenic (As) extractable (CAS.No.: 7440-39-2)				
Textile	1 mg/kg (skin) 0.3 ppm (all)	EN ISO 105-04 (2006)	EN ISO 17294-2	●
Arsenic (As) total (CAS.No.: 7440-39-2)				
Textile	1 ppm (all)	Micro-wave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 17294-2	●
Leather	1 ppm (all)	Micro-wave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 17294-2	●
Asbestos (CAS.No.: multiple)				
(LV) based on	1 mg/kg (skin)	U.S. EPA/600/4-90/116	U.S. EPA/600/4-90/116	●
Cadmium (Cd) extractable (CAS.No.: 7440-43-8)				
Textile	0.1 ppm	EN ISO 105-04 (2006)	EN ISO 17294-2	●
Cadmium (Cd) total (CAS.No.: 7440-43-8)				
Textile	1 ppm (all)	Micro-wave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 17294-2	●
Leather	1 ppm (all)	Micro-wave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 17294-2	●
Titan parts	40 ppm	Micro-wave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 17294-2	●
Barium (Ba) extractable (CAS.No.: 7440-39-3)				
Textile	1000	EN 71-3	EN ISO 17294-2	●
Leather	1000	EN 71-3	EN ISO 17294-2	●
Titan parts	1000	EN 71-3	EN ISO 17294-2	●
Chromium (Cr) extractable (CAS.No.: 7440-47-3)				
Textile	1 mg/kg textile and artificial leather (all, except chromium 3s and Cr6+)	EN ISO 105-04 (2006)	EN ISO 17294-2	●
Leather	100 mg/kg	EN ISO 105-04 (2006)	EN ISO 17294-2	●
Chromium (Cr) total (CAS.No.: 7440-47-3)				
Textile	100 mg/kg for PABands and seamed wool extractable limit textile	Micro-wave digestion with HNO ₃ /H ₂ O ₂	EN ISO 17294-2	●
Chromium VI (CAS.No.: 3546-56-4)				
Leather	3 ppm	Leather aging: Draft CEN/TC 309 WG 2N 40: 2007-10	§ 64 LFGB 82: 02-11 (2006)	●

Version 01

Danh sách hướng dẫn RSL AFIRM

Cấu trúc và Đặc điểm

Mã hóa màu chỉ sự Phù hợp

Mã hóa màu

Thường được sử dụng / **Mức độ xuất hiện nhiều** và/hoặc do Pháp luật quy định
 Từng được sử dụng trước đây / **Mức độ xuất hiện trung bình**
 Chưa từng xuất hiện (và/hoặc) cố tình không sử dụng / **Mức độ xuất hiện ít**

Hãy để (Các) Thương hiệu khách hàng của bạn
 cập nhật thông tin cho bạn



Restricted Substances Guidance



Apparel and Footwear International R&L Management Group

Parameters



Substance/Material	Lowest Limit	Suitable Method Sample Prep.	Suitable Method Measuring	Colour Codified
Antimony (Sb) extractable (CAS.No.: 7440-36-0)				
Textile	2 ppm	EN ISO 105-04 (2006)	EN ISO 17294-2	●●
Leather	n.d.	EN ISO 105-04 (2006)	EN ISO 17294-2	●●
Titan parts, metal parts, jewelry	2 ppm			●●
Antimony (Sb) total (CAS.No.: 7440-36-0)				
Textile	150 ppm for 100% Polyamide, 130 ppm for 50% PEU 30 mg/kg (natural textile)	Micro-wave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 11037 (2008)	●●
Arsenic (As) extractable (CAS.No.: 7440-39-2)				
Textile	1 mg/kg (skin)	EN ISO 105-04 (2006)	EN ISO 17294-2	●●
Arsenic (As) total (CAS.No.: 7440-39-2)				
Textile	1 ppm (sk)	Micro-wave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 17294-2	●●
Leather	1 ppm (sk)	Micro-wave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 17294-2	●●
Asbestos (CAS.No.: multiple)				
(EU) based on	1 mg/kg (sk)	U.S. EPA 8008-G0116	U.S. EPA 8008-G0116	●●
Cadmium (Cd) extractable (CAS.No.: 7440-43-8)				
Textile	0.1 ppm	EN ISO 105-04 (2006)	EN ISO 17294-2	●●
Cadmium (Cd) total (CAS.No.: 7440-43-8)				
Textile	1 ppm (sk)	Micro-wave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 17294-2	●●
Leather	1 ppm (sk)	Micro-wave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 17294-2	●●
Titan parts	40 ppm	Micro-wave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 17294-2	●●
Barium (Ba) extractable (CAS.No.: 7440-39-3)				
Textile	1000	EN 71-3	EN ISO 17294-2	●●
Leather	1000	EN 71-3	EN ISO 17294-2	●●
Titan parts	1000	EN 71-3	EN ISO 17294-2	●●
Chromium (Cr) extractable (CAS.No.: 7440-47-3)				
Textile	1 mg/kg textile and artificial leather test, inactivated chromium 3s and Cr(VI)	EN ISO 105-04 (2006)	EN ISO 17294-2	●●
Leather	100 mg/kg	EN ISO 105-04 (2006)	EN ISO 17294-2	●●
Chromium (Cr) total (CAS.No.: 7440-47-3)				
Textile	100 mg/kg for Polyamide and waxed wool extractable limit in leather	Micro-wave digestion with HNO ₃ /H ₂ O ₂	EN ISO 17294-2	●●
Chromium VI (CAS.No.: 3546-58-4)				
Leather	3 ppm	Leather aging: Draft CEN/TC 309 WG 2N 40: 2007-10	§ 64 LFGB 82: 02-11 (2006)	●●

Version 01

Danh sách hướng dẫn RSL AFIRM

Cấu trúc và Đặc điểm

- Chất / Vật liệu (+ Số CAS nếu có)
- Giới hạn thấp nhất
- Chuẩn bị Mẫu phương pháp phù hợp
- Đánh giá Phương pháp phù hợp

Hãy để (Các) Thương hiệu khách hàng của bạn cập nhật thông tin cho bạn



BESTSELLER



LEVI STRAUSS & CO.



Phylmar Group

Environmental Health & Safety Social Responsibility



WARNACO



Danh sách hướng dẫn RSL AFIRM

Cấu trúc và Đặc điểm - Ví dụ chì

Parameters



Colour Coding				
Historically widely used / High Occurrence Level and/or regulated by Law				
Historic known usages / Mid Occurrence Level				
Unlikely to be found, (and/or) not intentionally used / Low Occurrence Level				
Substance/Material	Lowest Limit	Suitable Method Sample Prep	Suitable Method Measuring	Colour Coding
Lead (Pb) extractable (CAS-No.: 7439-92-1)				
Textile	Usage ban n.d. (0.2 ppm)	EN ISO 105-E04 (2009)	EN ISO 17294-2	●
Leather	Usage ban n.d. (0.2 ppm)	EN ISO 105-E04 (2009)	EN ISO 17294-2	●
Lead (Pb) total (CAS-No.:7439-92-1)				
Textile	40 ppm (all)	microwave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃ lead in paint and surface coating: CPSIA Section 101 16 CFR 1303	EN ISO 17294-2	●
Leather	40 ppm (all)	microwave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃ lead in paint and surface coating: CPSIA Section 101 16 CFR 1303	EN ISO 17294-2	●
Trim parts	40 ppm (all)	microwave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃ lead in paint and surface coating: CPSIA Section 101 16 CFR 1303	EN ISO 17294-2	●

Hãy để (Các) Thương hiệu khách hàng của bạn
cập nhật thông tin cho bạn



HUGO BOSS



BESTSELLER



LEVI STRAUSS & CO.



Phylmar Group

Environmental
Health & Safety
Social Responsibility



Restricted Substances Guidance



Apparel and Footwear International RSL Management Group

Danh sách hướng dẫn RSL AFIRM

Có thể lấy hướng dẫn ở đâu

Nói chung, các bạn nên thường xuyên vào trang điện tử <http://www.afirm-group.com> của AFIRM để biết thêm nguồn thông tin có giá trị, các Câu hỏi thường gặp...

Hiện có thể tải về miễn phí bản Hướng dẫn RSL AFIRM tại

<http://www.afirm-group.com/PDF/AFIRMGuidance27June2012.pdf>

Hãy để (Các) Thương hiệu khách hàng của bạn cập nhật thông tin cho bạn



ESPRIT



HUGO BOSS



BESTSELLER



LEVI STRAUSS & CO.



Phylmar Group

Environmental
Health & Safety
Social Responsibility

s.Oliver

WARNACO

Restricted Substances Guidance



Apparel and Footwear International RSL Management Group

Parameters



Substance/Material	Lowest Limit	Suitable Method Example Prep.	Suitable Method Measuring	Colour Cofixal
Antimony (Sb) extractable (CAS-No.: 7440-50-9)				
Textile	2 ppm	EN ISO 105-204 (2006)	EN ISO 17294-2	●●
Leather	n.d.	EN ISO 105-204 (2006)	EN ISO 17294-2	●●
Titan parts, metal parts, jewelry	2 ppm			●●
Antimony (Sb) total (CAS-No.: 7440-50-9)				
Textile	150 ppm for 100 % Polyester, 130 ppm for 50 % PEU 30 mg/kg (natural textile)	Microwave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 11037 (2008)	●●
Arsenic (As) extractable (CAS-No.: 7440-39-2)				
Textile	1 mg/kg (all ppm)	EN ISO 105-204 (2006)	EN ISO 17294-2	●●
Arsenic (As) total (CAS-No.: 7440-39-2)				
Textile	1 ppm (all)	Microwave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 17294-2	●●
Leather	1 ppm (all)	Microwave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 17294-2	●●
Asbestos (CAS-No.: multiple)				
(TLV) based on	1 mg/kg (all)	U.S. EPA 8005-80118	U.S. EPA 8005-80118	●●
Cadmium (Cd) extractable (CAS-No.: 7440-43-9)				
Textile	0.1 ppm	EN ISO 105-204 (2006)	EN ISO 17294-2	●●
Cadmium (Cd) total (CAS-No.: 7440-43-9)				
Textile	1 ppm (all)	Microwave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 17294-2	●●
Leather	1 ppm (all)	Microwave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 17294-2	●●
Titan parts	40 ppm	Microwave digestion with H ₂ O ₂ /HNO ₃	EN ISO 17294-2	●●
Barium (Ba) extractable (CAS-No.: 7440-39-3)				
Textile	1000	EN 71-3	EN ISO 17294-2	●●
Leather	1000	EN 71-3	EN ISO 17294-2	●●
Titan parts	1000	EN 71-3	EN ISO 17294-2	●●
Chromium (Cr) extractable (CAS-No.: 7440-47-3)				
Textile	1 mg/kg textile and artificial leather test, inorganic chromium 3s and Cr(VI)	EN ISO 105-204 (2006)	EN ISO 17294-2	●●
Leather	100 mg/kg	EN ISO 105-204 (2006)	EN ISO 17294-2	●●
Chromium (Cr) total (CAS-No.: 7440-47-3)				
Textile	100 mg/kg for PABA and sensitized wool extractable limit method	Microwave digestion with HNO ₃ /H ₂ O ₂	EN ISO 17294-2	●●
Chromium VI (CAS-No.: 3546-58-4)				
Leather	3 ppm	Leather aging: Draft CEN/TC 309 WG 2N 40: 2007-10	§ 64 LFGB 82: 02-11 (2006)	●●

Version 01

Danh sách hướng dẫn RSL AFIRM

Ý nghĩa trong tương lai?

Hãy để (Các) Thương hiệu khách hàng của bạn cập nhật thông tin cho bạn

Cảm ơn các bạn đã quan tâm



HUGO BOSS



BESTSELLER



LEVI STRAUSS & CO.



Phylmar Group

Environmental
Health & Safety
Social Responsibility



WARNACO